

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **2434** /SYT-KHTC
V/v lập dự toán chi tiết cho
nội dung chi không thường
xuyên năm 2017 đối với
ngành Y tế

Quảng Ngãi, ngày **24** tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 686a /QĐ - UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2017;

Trên cơ sở Công văn số 333a/STC-HCSN ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài chính về việc thẩm tra dự toán thu, chi NSNN năm 2017 đối với Sở Y tế;

Để có cơ sở nhập dự toán kinh phí từ nguồn không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp năm 2017 đã thẩm tra tại Công văn số 333a/STC-HCSN ngày 25/01/2017 của Sở Tài chính, Sở Y tế lập dự toán chi tiết từng nội dung cụ thể theo đúng nhu cầu thực tế phát sinh nhiệm vụ chi trong năm cho các đơn vị trực thuộc của ngành cụ thể (theo Phụ dự toán chi tiết đính kèm). Kính đề nghị Sở Tài chính xem xét nhập nguồn kinh phí không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp năm 2017 để cho các đơn vị trực thuộc Sở có kinh phí triển khai thực hiện.

Rất mong sự quan tâm, giải quyết kịp thời của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



Phụ lục

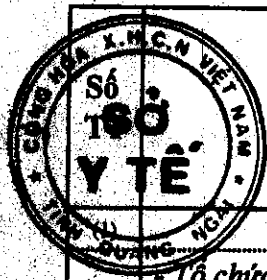
PHỤ LỤC THIẾT MINH NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017 (**)

(Kèm theo Công văn số 2434/SYT-KHTC ngày 24/10/2017 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

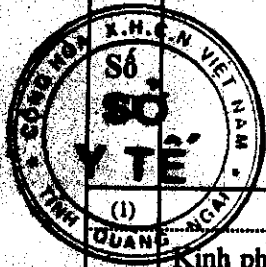
ĐVT: Nghìn đồng



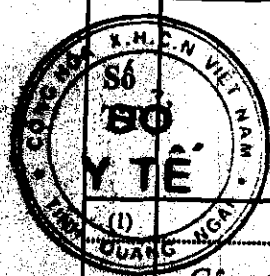
TT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
A	Tổng cộng	14.478.464	
1	VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ	446.616	
	Kinh phí ngân sách cấp	446.616	
1	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	436.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	0	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	436.000	
	Kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở (**)	436.000	
	- Thực hiện 7 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	436.000	
2	Sự nghiệp y tế	10.616	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	0	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	6.255.045	
	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao năng lực thanh tra y tế tỉnh đến năm 2020 theo Kế hoạch 4262/KH-UBND ngày 8/8/2016 của UBND tỉnh (**)	261.900	
	Tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ thanh kiểm tra, văn bản quy phạm pháp luật (3 lớp) cho 30 người/lớp, thời gian 2 ngày	43.650	
	Tuyên truyền nâng cao năng lực thanh tra chuyên ngành y tế: (phóng sự, sổ tay, quán triệt nâng cao nhận biết văn bản pháp luật đối với lĩnh vực)	43.650	
	Đào tạo bồi dưỡng kiến thức thanh tra cho thanh tra viên và công chức thanh tra: đào tạo kiến thức thanh tra viên đối với lĩnh vực y tế ở Trung ương tổ chức (2 đợt, 3 người)	43.650	
	Mua trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra (02 bộ máy vi tính, 01)	69.840	
	Chi khác (Tổ chức họp triển khai công tác thanh tra, giấy bút, tài liệu, triển khai thông tư văn bản) ...	61.110	
	- Tài liệu giấy bút gặp mặt đối tượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố	13.095	
	- Văn phòng phẩm phục vụ công tác triển khai chỉ đạo	13.095	
	- Xăng xe công tác phí xác minh, thực hiện nhiệm vụ thanh tra	26.190	
	- Các khoản chi khác phát sinh trong hoạt động nâng cao năng lực	8.730	
	Kinh phí triển khai thực hiện Đề án Bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 về việc phê duyệt đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020; Công văn số 748/KCB-CĐT ngày 03/7/2013 của Cục QLKCB, Công văn đăng ký tham gia Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2016-2020 của Sở Y tế (*)	4.365	
	Kinh phí thực hiện Đề án tổ chức, sắp lại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 (**)	157.140	



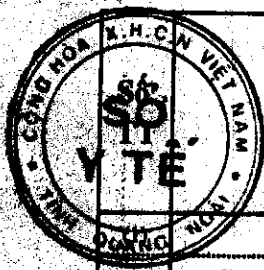
Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2)	(6)	
- Tổ chức tập huấn triển khai, lập kế hoạch, hướng dẫn công tác tổ chức sắp xếp : 3 lớp 2 ngày cho 50đt/lớp	43.650	
- Triển khai thực hiện (bao gồm xe, công tác phí 14 huyện thành phố)	69.840	
- Tài liệu, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm , viết báo cáo, kế hoạch và các hoạt động liên quan	43.650	
Kính phí phòng, chống bệnh viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại các huyện miền núi theo Kế hoạch số 4733/UBND-KHVX ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh (**)	218.250	
- Thuốc, hóa chất khám sàng lọc và xử lý môi trường	87.300	
- Tuyên truyền phòng bệnh	87.300	
- Xăng công tác phí giám sát	43.650	
Kính phí thực hiện phong trào vệ sinh yêu nước , làng văn hoá, làng sức khoẻ theo Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19/6/2012 và Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012, công tác truyền thông giáo dục lồng ghép CTMTQG, mít tinh hưởng ứng ngày 02/7 hàng năm, ngày vệ sinh yêu nước và hoạt động khác (**)	261.900	
- Tổ chức mít tinh phong trào vệ sinh yêu nước và khám chữa bệnh nhân đạo	87.300	
- Tham gia Tổ chức đưa đón, đón tiếp các đoàn ngoài tỉnh và các cơ sở khám từ thiện và hỗ trợ trang thiết bị, thuốc men cho nhân dân	87.300	
- Chi phí tổ chức khám từ thiện do đoàn thanh niên ngành y tế tổ chức nhân ngày 27/2 và ngày thương binh liệt sỹ	87.300	
Kính phí tổ chức tiêm vắc xin viêm não nhật bản cho 2 huyện theo Quyết định số 86/QĐ-BYT ngày 12/01/2017 (**)	261.900	
Thông tin truyền thông:	87.300	
Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã:	69.840	
Hỗ trợ vận chuyển, bảo quản vắc xin:	17.460	
In giấy khám sàng lọc trước tiêm (in bằng kiểm) và in danh sách điều tra cho 184 xã triển khai chiến dịch:	43.650	
Chi hỗ trợ điều tra chốt đối tượng: (Y tế thôn bà hoặc cộng tác viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	17.460	
Hoạt động giám sát của Ban chỉ đạo và Ban điều hành chiến dịch tiêm vắc xin viêm não (xăng, công tác phí, giấy bút , tài liệu),	26.190	
Kính phí đào tạo liên thông bác sỹ đa khoa chính quy và bác sỹ cử tuyển huyện miền núi cho ngành Y tế (**)	1.309.500	
- Bác sỹ liên thông Đại học Y Hồ Chí Minh QĐ số 1897/QĐ-UBND	873.000	
- Bác sỹ liên thông Đại học Y Dược Huế QĐ số 389, 470/QĐ-SNV	436.500	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh theo Công văn số 467/UBND-KGVX ngày 24/01/2017 và Công văn số 1481-CV/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy (**)	1.178.550	
1	Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh y tế	742.050	
	- Tuyên truyền tư vấn dịch bệnh (Tờ rơi, pano, áp phit các bệnh truyền nhiễm)	218.250	
	- Xử lý môi trường chủ động phòng dịch bệnh	436.500	
	- Kiểm tra, giám sát (12 đợt trong năm cho các loại bệnh truyền nhiễm theo mùa)	87.300	
2	Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền công tác dân số	436.500	
	- Hoạt động truyền thông, tuyên truyền (xây dựng sản phẩm truyền thông, tư vấn, pano, khẩu hiệu, asppit về mọi hoạt động dân số)	305.550	
	- Triển khai chỉ đạo, kiểm tra giám sát hoạt động chuyên môn về công tác dân số	130.950	
	Kinh phí sự nghiệp y tế khác quản lý ngành (triển khai tập huấn chuyên môn, chỉ đạo, giám sát hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác mang tính chất chuyên môn quản lý toàn ngành ...)(**)	2.601.540	
1	Triển khai công tác công nghệ thông tin và trang tin điện tử của ngành	226.980	
	- Hoạt động trang tin	87.300	
	- Phần mềm nhân sự (bao gồm carmua máy chủ)	113.490	
	- Triển khai đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin	26.190	
2	Triển khai công tác thi đua khen thưởng toàn ngành (In giấy khen, khung và các chế độ khen thưởng của Bộ Y tế, Thủ tướng, khen thưởng đợt xuất, khen thưởng theo chuyên đề)	174.600	
3	Hoạt động triển khai quản lý công tác chuyên môn toàn ngành	2.199.960	
	Dịch vụ công cộng ; Xăng xe đi công tác phí 30 triệu x 12 tháng = 360 triệu chi từ quản lý hành chính 30 triệu)	288.090	
	- Vật tư văn phòng : 25 triệu x 12 tháng = 300 triệu chi từ hành chính 150 triệu)	130.950	
	- Thông tin tuyên truyền: 15 triệu x 12 tháng = 280 triệu hành chính chi 80 triệu)	157.140	
	- Chi hoạt động một cửa thăm tra cấp giấy phép hành nghề cả tỉnh (Chi phí xăng xe CTP đi thăm định cơ sở, in hồ sơ, giấy phép hành nghề, họp hội đồng thẩm định, giấy bút mực in cho bộ phận một cửa)	261.900	
	- Hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn: 100 triệu x 4 quý	261.900	



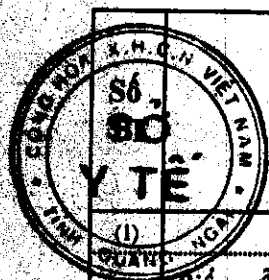
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	- Công tác phí: 170 triệu x 4 quý (32 đợt CTP ngoài tỉnh x 15 triệu = 480 triệu, công tác phí huyện : 50 triệu x 4 quý = 200 triệu) kinh phí hành chính chi 100 triệu	331.740	
	- Chi thuê mướn ; Đào tạo cán bộ (Thạc sỹ, tiến sỹ, ...)	87.300	
	- Chi sửa chữa thường xuyên : sửa xe oto máy móc trang thiết bị (Sửa chữa vi tính, photoo, xe chuyên dùng giám sát kiểm tra công tác chuyên môn) 20 triệu x 12 tháng= 240 triệu hành chính chi 40 triệu)	130.950	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn : 150 triệu x 4 quý (Tài liệu, biểu mẫu chuyên môn cho tuyến y tế cơ sở, và hoạt động khám sàng lọc, điều tra bệnh tật)	305.550	
	- Chi khác (các hoạt động phát sinh khác liên quan đến công tác quản ls chuyên môn toàn ngành)	244.440	
2	CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	437.000	
II.1	Kinh phí ngân sách cấp	437.000	
1	Chi quản lý hành chính	131.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	131.000	
	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ Tài chính (**)	131.000	
	- Kiểm tra, họp xử phạt vi phạm hành chính ATTP ngoài giờ	10.000	
	- Khen thưởng tập thể và cá nhân xuất sắc trong công tác thanh tra xử phạt vi phạm HC ATTP	4.906	
	- Xăng xe thanh tra , kiểm tra thẩm định: 7 đợt	20.190	
	- Công tác phí thanh tra , kiểm tra thẩm định: 7 người x 54 ngày x 80	30.904	
	- Mua, phân tích mẫu, dụng cụ lấy, bảo quản mẫu	9.000	
	- In ấn biên bản thanh tra, kiểm tra thẩm định	10.000	
	- Tiền mua máy Vi tính	42.000	
	- Tiền mua văn phòng phẩm	2.000	
	- Tiền thông tin liên lạc (cuộc phí bưu chính)	2.000	
2	Sự nghiệp y tế	306.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	0	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	306.000	
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo ATTP thức ăn đường phố giai đoạn 2013-2030 theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND	306.000	



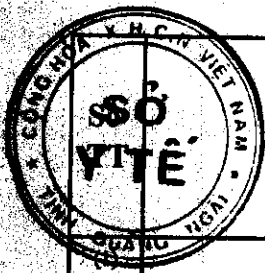
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	- Hỗ trợ xăng xe kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố cho tuyến xã (giao tuyến huyện phân kinh phí cho các xã phường, thị trấn trọng tâm)	120.000	
	- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý ATTP, triển khai công tác đảm bảo ATTP TÁĐP cho tuyến huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trọng tâm	17.000	
	- Hỗ trợ tuyên truyền qua đài phát thanh xã, tuyên truyền lưu động, nói chuyện chuyên đề cho 40 xã trọng tâm (giao cho huyện phân kinh phí)	80.000	
	- Trang bị Test nhanh cho tuyến xã kiểm tra thức ăn đường phố	72.000	
	- Hỗ trợ họp ban chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trọng tâm	8.000	
	- Kinh phí kiểm tra, giám sát hoạt động triển khai công tác đảm bảo ATTP TÁĐP	9.000	
3	CHI CỤC DÂN SỐ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH	840	
	Kinh phí ngân sách cấp		
a	Sự nghiệp y tế	840	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	839.291	
1	Kinh phí hỗ trợ hoạt động quản lý sự nghiệp dân số (kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD) (**)	130.291	
	+ Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng hoạt động sự nghiệp	12.291	
	+ Xăng xe, công tác phí kiểm tra giám sát trong tỉnh và ngoài tỉnh theo Giấy triệu tập của Trung ương (chi theo thực tế)	61.000	
	+ In tài liệu truyền thông	57.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 (**)	709.000	
	- Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	29.000	
	- Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	253.000	
	+ Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình	89.000	
	+ Đề án tiền hôn nhân	51.000	
	+ Dự án: Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh	78.000	
	+ Đề án kiểm soát dân số các vùng Biển, đảo và ven biển	35.000	
	- Hỗ trợ các ngành đoàn thể tổ chức hoạt động truyền thông, duy trì hoạt động câu lạc bộ	135.000	



Dự toán được sử dụng	Nội dung	Ghi chú
(6)	(2)	
65.520	- Nhân bản, in ấn tài liệu tuyên truyền, trang thiết bị truyền thông và các sản phẩm truyền thông khác	
80.000	- Tăng cường thời lượng, chương trình tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo đài, PT-TH) tổ chức hội thi tuyên truyền viên, thi sáng tác đề tài DSKHHGD	
40.000	- Khen thưởng khuyến khích thôn, xã khó khăn 3 năm liền không sinh con thứ 3; Khen cá nhân, tập thể xã, phường, thị trấn, kỷ niệm chương	
89.480	- Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho Chi cục DSKHHGD tỉnh	
17.000	- Kinh phí quản lý hoạt động toàn dự án	
87.000	4 BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUẢNG NGÃI	
87.000	* Kinh phí ngân sách cấp	
87.000	Sự nghiệp y tế	
	a Kinh phí giao quyền tự chủ	
87.000	b Kinh phí không giao quyền tự chủ	
87.000	Kinh phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của tổ chức giám định pháp y (khám, mổ tử thi tại hiện trường, họp giám định) (**)	
3.000	- Tiền nước uống	
4.840	- Hóa chất, vật dụng, VPP	
5.160	- Tiền vé máy bay, tàu xe	
10.000	- Phụ cấp công tác phí	
14.000	- Tiền thuê phòng ngủ	
35.000	- Máy móc thiết bị chuyên môn	
15.000	- Máy vi tính	
524.000	6 BỆNH VIỆN TÂM THẦN QUẢNG NGÃI	
	Kinh phí ngân sách cấp	
524.000	* Sự nghiệp y tế	
	a Kinh phí giao quyền tự chủ	
524.000	b Kinh phí không giao quyền tự chủ	
262.000	Kinh phí tuyên truyền, công tác chỉ đạo tuyến (**)	
4.320	- Khảo sát, thống nhất triển khai chương trình MTBVSKTT cộng đồng	
24.180	- Chi Điều tra sàng lọc- Tập huấn- Bàn giao tuyến xã (Triển khai 06 xã cho năm 2017)	
15.800	- Chi xăng, công tác phí đi kiểm tra lượng giá- đánh giá sơ kết (14 huyện, thành phố)	
500	- Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	
75.100	- Nội dung và mức chi cụ thể	
11.100	- Hội nghị sơ kết, tổng kết tuyến tỉnh	



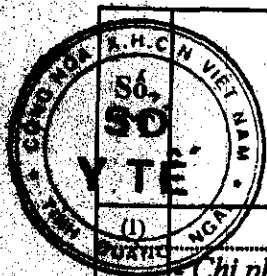
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	Biểu mẫu tuyên truyền	131.000	
	Kinh phí hỗ trợ công tác viên chương trình MTQG tâm Thân (**)	262.000	
	(định mức: 100ngđ/xã*174 xã*2,5 thôn/xã*6 tháng)	262.000	
7	BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI	611.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	611.000	
*	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	611.000	
	Kinh phí mua thuốc, hóa chất, VTTT (những thuốc Chương trình chống lao hỗ trợ còn thiếu cho bệnh nhân mắc bệnh lao vì bệnh lao là bệnh xã hội miễn phí 100% không thu viện phí...) (**)	611.000	
	- Kinh phí mua thuốc	408.985	
	- Kinh phí mua hóa chất	49.140	
	- Vật tư tiêu hao	2.875	
	Chương trình chống lao hỗ trợ còn thiếu cho bệnh nhân mắc bệnh lao vì bệnh lao là bệnh xã hội miễn phí 100% không thu viện phí...	150.000	
	- Tập huấn tuyến tỉnh: Lớp 1: 22 người x 2 ngày (TP học viên: BV Lao và BP, Tổ chống lao 04 huyện: Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành)	4.100	
	- Tập huấn tuyến tỉnh: Lớp 2: 20 người x 2 ngày (TP học viên: BV Lao và BP, Tổ chống lao 03 huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, TPQN)	5.400	
	- Tập huấn tại tuyến tỉnh cho cộng tác viên tuyến xã của 04 huyện: Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành)	7.050	
	- Tập huấn tại tuyến tỉnh cho cộng tác viên tuyến xã của 03 huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, TPQN	7.330	
	- Mua trang thiết bị phòng quản lý BPTNMT và HPQ	42.874	
	- Tổ chức khám, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc tại cộng đồng thuộc các dự án của chương trình	83.246	
8	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH	786.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
*	Sự nghiệp y tế	786.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	786.000	
1	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông, xét nghiệm kiểm tra chất lượng nước các công trình nước sinh hoạt, làng văn hóa làng sức khỏe theo Công văn số 4605/UBND-VX ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh (**)	524.000	
	Truyền thông cho các đơn vị kiểm nghiệm và phòng chống dịch bệnh	131.000	



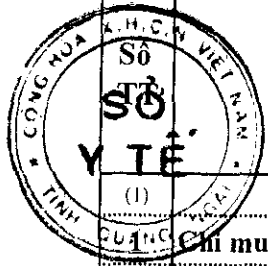
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	- Làm 02 phóng sự tuyên truyền phòng chống dịch:	40.000	
	- Tờ rơi Truyền thông	91.000	
	Mua thuốc phòng chống dịch bệnh	393.000	
	- Mua thuốc, hóa chất phòng chống dịch bệnh	207.000	
	- Mua hoá chất chống dịch, hóa chất xét nghiệm	186.000	
2	Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng mũi tiêm do mức tăng theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh, tiêm chủng mở rộng (**)	262.000	
	Hỗ trợ tiền bồi dưỡng mũi tiêm chủng cho các xã thuộc xã khó khăn theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 15/8/2014	262.000	
9	TRUNG TÂM NỘI TIẾT	87.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	Sự nghiệp y tế	87.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	87.000	
	Kinh phí hoạt động chuyên môn duy trì dự án bướu cổ (**)	87.000	
I.	GIÁM SÁT MUỐI IỐT HỘ GIA ĐÌNH	38.500	
1	Phụ cấp lưu trú	11.040	
	Xã miền núi : $9 \text{ xã} \times 3 \text{ người/ngày/xã} \times 2 \text{ ngày/xã} \times 80.000 \text{ đ/xã}$	4.320	
	Xã đồng bằng, hải đảo : $21 \text{ xã} \times 2 \text{ người/ngày/xã} \times 2 \text{ ngày/xã} \times 80.000 \text{ đ/xã}$	6.720	
2	Tiền trợ	6.900	
	Xã miền núi : $9 \text{ xã} \times 3 \text{ người/ngày/xã} \times 01 \text{ đêm /xã} \times 80.000 \text{ đ/xã}$	2.700	
	Xã đồng bằng, hải đảo : $21 \text{ xã} \times 2 \text{ người/ngày/xã} \times 01 \text{ đêm /xã} \times 80.000 \text{ đ/xã}$	4.200	
3	Tiền xăng xe, tàu thuyền	9.940	
	Xã miền núi : $9 \text{ xã} \times 0,18 \text{ lít/km} \times 20.000 \text{ đ/lít} \times 200 \text{ km} \text{ (cả đi và về)}$	6.480	
	Xã đồng bằng: $19 \text{ xã} \times 0,05 \text{ lít/km} \times 20.000 \text{ đ/lít} \times 70 \text{ km} \text{ (cả đi và về)}$	2.660	
	Xã hải đảo : $400.000 \text{ đ/ người} \times 2 \text{ người}$	800	
4	Kinh phí xét nghiệm I ốt niệu: 150 mẫu x 35.000đ/mẫu	5.250	
5	Kinh phí tài liệu, vật liệu khảo sát (photo biểu mẫu, túi nilon, dây thun,	1.630	
6	Kinh phí nhập số liệu (300đ/trường x 12 trường/bộ câu hỏi x 450 bộ câu hỏi)	1.620	
7	Phí gửi mẫu nước tiểu Iot niệu	600	
8	Giám sát muối I ốt tại nơi sản xuất	1.520	
	$20 \text{ km/lần} \times 2 \text{ lần/ngày} \times 32 \text{ lần} \times 0,05 \text{ lít/km} \times 20.000 \text{ đ/lít}$	1.280	
	Vật liệu khảo sát : (10.000đ/lần x 24 lần)	240	
II	Mua hóa chất xét nghiệm	4.000	
III.	Tập huấn cho tuyến xã và dự tập huấn hội nghị do Trung ương tổ chức	24.000	



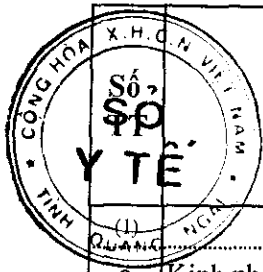
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
1	Mở lớp tập huấn Phòng chống các rối loạn thiếu hụt Iốt; 01 ngày 45 học viên	9.000	
	<i>Văn phòng phẩm gồm bút, vở ghi chép (45 cây /lớp x 10.000đ/bút, vở)</i>	450	
	<i>In, mua tài liệu gồm : (45 tập /lớp x lớp x 20.000đ/ tập)</i>	900	
	<i>Bồi dưỡng giảng viên (200.000đ /ngày x 1 ngày)</i>	400	
	<i>Thuê hội trường (1.500.000đ/ ngày)</i>	1.500	
	<i>Tiền biên soạn tài liệu (52 trang x 75.000/trang)</i>	3.900	
	<i>Tiền bút, phấn cho giảng viên</i>	200	
	<i>Băng rôn, hoa, trang trí hội trường (300.000đ/1lớp)</i>	300	
	<i>Nước uống giữa giờ (30.000đ/người/lớp x 1ngày x 45 người/lớp)</i>	1.350	
2	Tham dự tập huấn, hội nghị do tuyến trung ương tổ chức	15.000	
	<i>Số lượng người công tác 3, thời gian dự kiến 5 ngày</i>		
	<i>Vé máy bay : 2 vé / người x 3 người x 1.600.000đ/ người</i>	9.600	
	<i>Phụ cấp lưu trú: 150.000đ/ người/ ngày x 5 ngày/người x 3 người</i>	2.250	
	<i>Vé trọ : 250.000đ/ người/ đêm x 4 đêm/người x 3 người</i>	3.000	
	<i>Chi phí khác</i>	150	
IV.	Mua thuốc chuyên khoa và công tác phí, xăng xe khám ngoại viện (Số lượng xã khám: 02 xã miền núi, hải đảo; thời gian khám 03 ngày/xã; cán bộ công tác 5 người)	13.000	
1	Công tác phí, xăng xe khám ngoại viện	6.440	
	<i>Xăng xe ô tô: 200km/xã x 2 xã x 0,18 lít/km x 20.000đ/ lít</i>	1.440	
	<i>Phụ cấp lưu trú: 5 người / ngày x 2 xã x 3 ngày/ xã</i>	3.000	
	<i>Vé trọ : 5 người / đêm x 2 xã x 3 ngày/ xã</i>	2.000	
2	Mua thuốc chuyên khoa bướu cổ	6.560	
V	Hưởng ứng ngày toàn dân mua và sử dụng muối I ốt (2/11/2017)	7.500	
	<i>Treo băng rôn dọc 50 cái x 150.000đ/cái</i>	7.500	
10	TRUNG TÂM KN THUỐC MỸ PHẨM, THỰC PHẨM	904.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
*	Sự nghiệp y tế	904.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	904.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư (mua mẫu và chi phí xét nghiệm kiểm định mẫu) (**)	904.000	
	- <i>Mua mẫu kiểm nghiệm</i>	158.634	
	- <i>Mua vật tư, hóa chất, dụng cụ</i>	579.180	
	- <i>Công tác phí, xăng xe đi lấy mẫu kiểm nghiệm</i>	53.258	
	- <i>Hiệu chuẩn thiết bị dùng chuyên môn</i>	98.752	



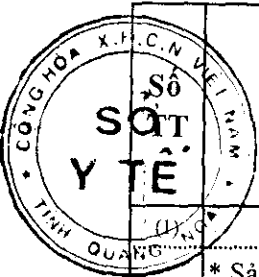
	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	<i>Chi phí đánh giá phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC</i>	14.176	
11	PHÒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA	262.000	
*	Kinh phí ngân sách cấp	262.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí hoạt động chuyên môn, triển khai tập huấn giám định (**)	262.000	
	<i>- Hoạt động chuyên môn, triển khai tập huấn chuyên đề 1: (Cán bộ làm công tác hướng dẫn hồ sơ giám định 13 huyện, thành phố)</i>	121.400	
	<i>- Hoạt động chuyên môn, triển khai tập huấn chuyên đề 2: (An toàn lao động, khám bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động)</i>	140.600	
12	TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN	1.098.000	
*	Kinh phí ngân sách cấp	1.098.000	
*	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	1.098.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư chuyên môn và công tác chỉ đạo tuyến (**)	698.000	
	<i>- Kinh phí thuốc, hóa chất, vật tư chuyên môn (Mua thuốc nhi, viên sắt cấp cho trẻ dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai)</i>	150.000	
	<i>- Chi thực hiện chính sách dinh sản (400ca) thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hoa, chi phí kỹ thuật quản lý, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật, bồi dưỡng người dinh sản, chi tiền thuê xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển</i>	488.000	
	<i>- Chi tiền xăng xe, công tác phí đi giám sát để án suy dinh dưỡng trẻ em</i>	60.000	
	Kinh phí hỗ trợ công tác viên CCMTSDD theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh (**)	400.000	
	<i>- Chi hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tại các xã, phường trọng điểm 30.000đồng/xã/tháng X 184 xã X 12 tháng</i>	121.600	
	<i>- Chi hỗ trợ cho cộng tác viên dinh dưỡng ở các thôn, bản tại các xã phường không phải trọng điểm 20.000đồng/thôn, bản/tháng X 1.160 thôn, bản X 12 tháng</i>	278.400	
13	TRUNG TÂM PHÒNG CHỐNG SÓT RẾT	262.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	262.000	
*	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, hoạt động chuyên môn duy trì tẩy giun cho học sinh	262.000	



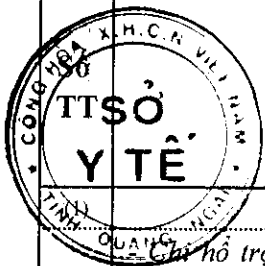
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	Chi mua thuốc	87.000	
2	Hoạt động chuyên môn duy trì tẩy giun cho học sinh	87.850	
	<i>Đợt 1 : Hỗ trợ Mua đường, nước uống phục vụ tẩy giun 50.000 Đồng x 184 xã = 9.200.000đ</i>	9.200	
	<i>Đợt 2 : Hỗ trợ Mua đường, nước uống phục vụ tẩy giun 50.000 Đồng x 67 xã = 3.350.000 đ</i>	3.350	
	<i>Đợt 1:Hỗ trợ tiền công tác phí cho học sinh uống thuốc tẩy giun (05 người x 01 ngày x 60.000 /1 người)= 300.000 / 01 xã x 184 xã = 55.200.000 đ</i>	55.200	
	<i>Đợt 2:Hỗ trợ tiền công tác phí cho học sinh uống thuốc tẩy giun (05 người x 01 ngày x 60.000 /1 người)= 300.000 / 01 xã x 67 xã = 20.100.000 đ</i>	20.100	
3	Cấp kinh phí tẩy giun Cho tuyến Huyện = 10.800.000 đồng	10.800	
	<i>Đợt 1:Hỗ trợ tiền công tác phí cho học sinh uống thuốc tẩy giun mỗi huyện 540.000 đ x 14 huyện = 7.560.000 đ</i>	7.560	
	<i>Đợt 2:Hỗ trợ tiền công tác phí cho học sinh uống thuốc tẩy giun mỗi huyện 540.000 đ x 6 huyện = 3.240.000 đ</i>	3.240	
4	Giám sát uống thuốc tẩy giun của tuyến tỉnh =76.350.000 đ	76.350	
	<i>- Điều tra giám sát hiệu quả tẩy giun (Theo mẫu của WHO) Tiền công tác phí , xăng xe tuyến tỉnh đi giám sát tại :06 xã của các huyện là 37.900.000 Đ</i>	37.900	
	<i>- Giám sát uống thuốc tẩy giun tại (10 huyện trong tỉnh = 38.450.000 đ)</i>	38.450	
14	TRUNG TÂM PHONG - DA LIỄU	262.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	262.000	
*	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư chuyên môn và công tác chỉ đạo tuyến (**)	262.000	
	a. Mua thuốc y tế khám, điều trị bệnh da; hoa liễu; các bệnh lây truyền qua đường tình dục:	262.000	
	<i>- Mua thuốc khám toàn dân cho 15 xã: 5.000 người x 15.000đ/người</i>	75.000	
	<i>- Mua thuốc hỗ trợ chuyên khoa tuyến huyện: 10 huyện x 2.000.000đ/</i>	20.000	
	<i>- Mua hóa chất xét nghiệm, vật tư phòng chống tàn tật</i>	25.000	
	Tài liệu truyền thông duy trì hoạt động phòng chống phong:	142.000	
	<i>- Phiếu đăng ký khám bệnh qua hình ảnh: 24.000 tờ x 3.500đ/tờ</i>	84.000	
	<i>- Thời khóa biểu: 48.000 tờ x 1.200đ</i>	58.000	
15	TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE	611.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	611.000	
	Sự nghiệp y tế		



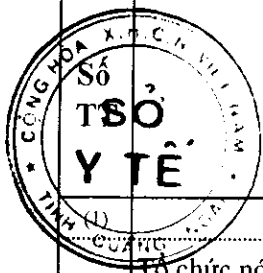
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	611.000	
	Kinh phí phục vụ công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh và hoạt động truyền thông cho toàn ngành, kể cả PC viêm da dày sừng (**)	611.000	
1	Hình thức truyền thông:	222.000	
	* Thực hiện chuyên mục truyền hình trên Đài PT-TH tỉnh: 24 chuyên mục Thực hiện 12 chuyên mục truyền hình tiếng Kinh & tiếng Hre; 1 số/1 tháng (Tiếng Kinh: $12 \text{ CM} \times 5.000.000\text{đ}/\text{CM} = 60.000.000\text{đ}$, Tiếng HRe: $12 \text{ CM} \times 500.000\text{đ}/\text{CM} = 6.000.000\text{đ}$)	66.000	
	* Thực hiện chuyên mục phát thanh trên Đài PT-TH tỉnh (Số lượng: 20 số; Mỗi tháng từ 1 đến 2 số; $21 \text{ số} \times 3.000.000\text{đ}/\text{CM} = 63.000.000\text{đ}$)	63.000	
	* Truyền thông trên Báo Quảng Ngãi (số lượng: 18 số; số lần đăng báo: 18 kỳ báo/năm Kinh phí hỗ trợ tuyên truyền trên Báo Quảng Ngãi số lượng 18 lần = $18.000.000\text{đ}$)	18.000	
	* Tuyên truyền bằng xe loa lưu động tại các huyện/TP: 71 lần, Tuyên truyền Ngày thế giới Phòng, chống Lao tại 14 huyện/TP: 14 lần, Tuyên truyền Ngày thế giới Phòng, chống Sốt rét tại 5 huyện miền núi: 05 lần, Tuyên truyền Phòng, chống Sốt xuất huyết tại 14 huyện/TP: 14 lần, Tuyên truyền "Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ" tại 14 huyện/TP: 14 lần, Tuyên truyền Phòng, chống bệnh Đái tháo đường tại 14 huyện/TP: 14 lần, Tuyên truyền các dịch bệnh khác: 14 lần $75 \text{ lần} \times 1.000.000\text{đ}/\text{lần} = 75.000.000\text{đ}$	75.000	
2	Sản xuất tài liệu truyền thông:	389.000	
	* In ấn: Bàn tin thông tin Y tế Quảng Ngãi: 12 số; mỗi tháng/số; mỗi số 550 quyền Quy cách: Khổ: $19 \times 27 \text{ cm}$; 16 trang (cả bìa); in 04 màu 02 mặt, Số tháng 1+2/2017: $550 \text{ quyền} \times 40.000\text{đ}/\text{q} \times 1 \text{ số} = 22.000.000\text{đ}$, Số tháng 3/2017: $550 \text{ quyền} \times 32.500\text{đ}/\text{q} \times 1 \text{ số} = 17.875.000\text{đ}$, Số tháng 4-12/2017: $550 \text{ quyền} \times 19.100\text{đ}/\text{q} \times 9 \text{ số} = 94.545.000\text{đ}$)	134.400	
	* In ấn tài liệu truyền thông: Tờ rơi, áp phích, tranh lật ...	99.000	
	- Tờ rơi các chương trình Y tế: Đái tháo đường, Sốt xuất huyết, Sức khỏe sinh sản, Suy dinh dưỡng, Tiêu chảy, Tay/chân miệng, TCMR, Lao ... ($30.000 \text{ tờ} \times 1.500\text{đ}/\text{tờ} = 45.000.000\text{đ}$)	45.000	
	- Áp phích các chương trình Y tế: Sốt xuất huyết, Viêm não, Sốt rét, Lao ($2.100 \text{ tờ} \times 20.000\text{đ}/\text{tờ} = 42.000.000\text{đ}$)	42.000	
	- Tranh lật các chương trình Y tế: Chăm sóc thai sản, Suy dinh dưỡng, Nuôi con bằng sữa mẹ, Tiêu chảy, Viêm phổi 100 tập $\times 120.000\text{đ}/\text{tập} = 12.000.000\text{đ}$	12.000	
	* In, sang băng đĩa tuyên truyền các chương trình y tế: Sốt xuất huyết, Suy dinh dưỡng, Đái tháo đường, Nuôi con bằng sữa mẹ và các dịch bệnh khác ... (Mỗi chương trình in sang 200 cái băng đĩa, sử dụng cấp phát cho 200 đơn vị gồm: 182 xã + 14 TTĐTDP huyện/TP + 04 tư liệu tại TT $1.400 \text{ cái} \times 40.000\text{đ}/\text{cái} = 56.000.000\text{đ}$)	56.000	



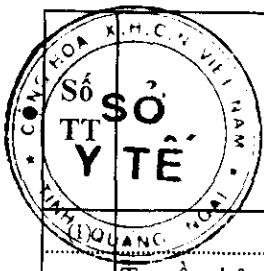
	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	* Sản xuất và lắp đặt pa nô tuyên truyền KT: 4m x 3m; pa nô 01 mặt Dự kiến năm 2017: sản xuất và lắp đặt 06 pa nô tuyên truyền các chương trình y tế tại 14 (06 pa nô x 16.600.000đ = 99.600.000đ)	99.600	
16	TRUNG TÂM PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS	1.881.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	1.881.000	
	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	1.881.000	
	Kinh phí hoá chất, tex xét nghiệm nghĩa vụ quân sự (**)	87.000	
	- Test xét nghiệm HIV và ma túy cho thanh niên khám tuyển NVQS (23.000đ* cái tests * 3.783 cái)	87.000	
	Kinh phí triển khai cho các đối tượng nghiện ma túy uống Methadone theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 20/6/2014 (**)	349.000	
	- Lương hợp đồng bảo vệ	72.000	
	- Hợp đồng vệ sinh tạp vụ :	18.000	
	- Hợp đồng 02 điều dưỡng cho uống	36.000	
	- Các khoản đóng góp	8.640	
	- Trang phục bảo hộ lao động cho bảo vệ + tạp vụ	5.000	
	- Chi tiền làm thêm giờ ngày T7, CN :	48.560	
	- Chi tiền làm thêm giờ ngày lễ, Tết :	16.000	
	- Chi tiền in bệnh án + sổ sách điều trị+ bì thư	25.000	
	- Chi in tờ rơi truyền thông	20.000	
	- Thanh toán tiền điện thấp sáng :	26.400	
	- Thanh toán tiền nước sinh hoạt :	1.100	
	- Thanh toán tiền điện thoại :	12.000	
	- Văn Phòng Phẩm , mực photo, mực máy in, VRTMH..	25.000	
	- Cốc nhựa uống nước, vật tư khác (sử dụng một lần)	3.000	
	- Nước uống dùng cho bệnh nhân uống thuốc:	8.000	
	- Sinh phẩm chẩn đoán ma túy	16.000	
	Hội nghị Tổng kết	8.300	
	- Tài liệu :	1.600	
	- Văn phòng phẩm :	800	
	- Nước uống	2.400	
	- Thuê hội trường	3.500	
	Kinh phí hỗ trợ công tác viên chương trình MTQG phòng chống HIV theo Thông tư 163/2012/TT-BTC-BYT (**)	150.000	



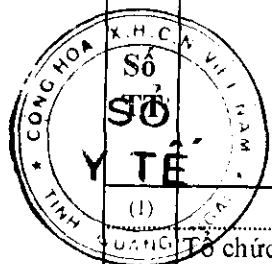
Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2)	(6)	
Chi hỗ trợ cho chuyên trách, cộng tác viên chương trình MTQG Phòng, chống HIV tại các xã phường trọng điểm theo	150.000	
Kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo tài chính phòng chống HIV theo QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh (**)	1.295.000	
Dự án 1: Thông tin giáo dục và truyền thông chuyển đổi hành vi phòng HIV/AIDS	770.445	
Hoạt động truyền thông của các huyện, thành phố	153.000	
Ban PC HIV/AIDS TP QUẢNG NGÃI	13.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	3.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	5.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Tư Nghĩa	12.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tổ chức nói chuyện cho các đối tượng)	3.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Mộ Đức	12.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	3.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Sơn Tịnh	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Bình Sơn	12.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	3.000	



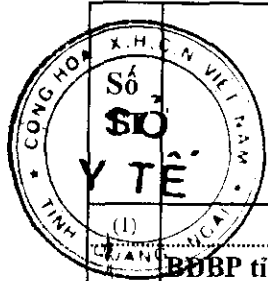
Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2)	(6)	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Ba Tơ	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Tây Trà	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Lý Sơn	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Minh Long	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Sơn Tây	10.000	
Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
Tổ chức các hoạt động Tháng HD Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, tọa đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
Ban PC HIV/AIDS huyện Trà Bồng	10.000	



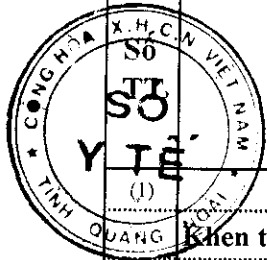
Số TT Y TẾ SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
	Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
	Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh,	4.000	
	Ban PC HIV/AIDS huyện Nghĩa Hành	12.000	
	Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	3.000	
	Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
	Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, toại đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
	Ban PC HIV/AIDS huyện Sơn Hà	10.000	
	Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	2.000	
	Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	4.000	
	Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, toại đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
	Ban PC HIV/AIDS huyện Đức Phổ	12.000	
	Truyền thông thay đổi hành vi:(Truyền thanh, tập huấn các ngành...)	3.000	
	Tổ chức nói chuyện chuyên đề PC AIDS, LTMC (hội trường, báo cáo viên, nước uống, tài liệu...)	5.000	
	Tổ chức các hoạt động Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015: Mít tinh, toại đàm Tháng hành động và ngày PC AIDS:(Làm lễ đài, xe tuyên truyền, thuê bàn ghế, nước uống, hỗ trợ người điều hành...)	4.000	
	Hoạt động truyền thông của các xã, phường trọng điểm và không trọng điểm: Hoạt động TT-GD-TT	180.000	
	TP QUẢNG NGÃI	42.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	5.000	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	16.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	21.000	
	Huyện Tư Nghĩa	27.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	4.500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	9.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	13.500	
	Huyện Mộ Đức	15.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	2.500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	5.000	



(1)	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	7.500	
	Huyện Sơn Tịnh	15.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	2.500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	5.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	7.500	
	Huyện Bình Sơn	24.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	4.000	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	8.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	12.000	
	Huyện Ba Tơ	15.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	2.500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	5.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	7.500	
	Huyện Nghĩa Hành	12.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	2.000	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	4.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	6.000	
	Huyện Lý Sơn	3.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	1.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	1.500	
	Huyện Đức Phổ	27.000	
	Tuyên truyền trên đài TT xã	4.500	
	Nói chuyện chuyên đề AIDS	9.000	
	Tổ chức Tháng HĐ Quốc gia PC AIDS năm 2015Mitting Tháng hành động PC AIDS	13.500	
	Mua tạp chí AIDS	20.000	
	Hoạt động tư vấn (điện thoại + tư vấn ...)	10.000	
	Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong ngành.	165.000	
	Đoàn Khối doanh nghiệp: Tổ chức truyền thông cho công nhân lao động tại các doanh nghiệp trong tỉnh và truyền thông trong các CLB phòng, chống HIV/AIDS	45.000	
	* Tổ chức truyền thông tại các câu lạc bộ PC HIV/AIDS, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	10.000	
	* Tổ chức văn nghệ để sân khấu hóa hoạt động PC AIDS	35.000	



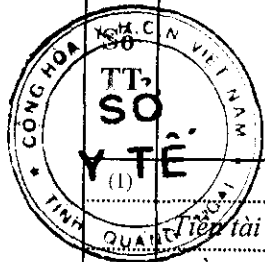
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	BBP tỉnh: Truyền thông tại khu dân cư vùng biển, biên giới. Tập huấn cho CB, chiến sĩ biên phòng.	15.000	
	* Tổ chức Truyền thông PC AIDS tại các khu dân cư vùng biển (xăng xe, báo cáo viên, nước uống)	5.000	
	* Tổ chức tập huấn PC AIDS cho các chiến sĩ biên phòng (hội trường, báo cáo viên, nước uống)	10.000	
	Trung tâm Truyền thông – GDSK tỉnh: xây dựng chuyên mục truyền hình PC HIV/AIDS. Truyền thông trên Tạp chí Thông tin Y tế của ngành.	15.000	
	* Sản xuất phóng sự truyền hình	15.000	
	Hội LHPN tỉnh: Tuyên truyền PC HIV cho cán bộ Hội phụ nữ.	15.000	
	* Tổ chức nói chuyện chuyên đề về PC HIV cho cán bộ Hội phụ nữ huyện, tp	15.000	
	Tỉnh đội: Tổ chức nói chuyện, sinh hoạt câu lạc bộ về PC HIV/AIDS ở các đơn vị tân binh	20.000	
	* Tổ chức nói chuyện chuyên đề về PC HIV cho cán bộ chiến sĩ (hội trường, nước uống, tài liệu, báo cáo viên...)	20.000	
	Hội Nông dân tỉnh: Tổ chức truyền thông PC HIV cho Hội Nông dân cơ sở	40.000	
	* Tổ chức Hội thi văn nghệ PC HIV/AIDS tại cơ sở (Dự kiến huyện Bình Sơn)	40.000	
	Công an tỉnh: Tổ chức truyền thông PC HIV trong lực lượng Công an	15.000	
	* Tổ chức tập huấn PC HIV/AIDS cho lực lượng công an (hội trường, tài liệu, nước uống, báo cáo viên...)	15.000	
	Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS từ Huyện đến xã	75.800	
	- Treo cờ phướn	6.000	
	- Công treo và tháo gỡ.	600	
	- Treo băng rôn (1*10m)	24.750	
	- Công treo và tháo gỡ	2.200	
	- Nước uống cho đại biểu	950	
	- Trang trí lễ đài	20.000	
	- Thuê bàn và ghế nhựa	900	
	- Thuê gian âm thanh	5.000	
	- Thuê xe truyền thông lưu động	2.000	
	- Hỗ trợ các tiết mục văn nghệ	6.000	
	- Xăng xe đi giám sát, hỗ trợ, tham dự lễ tại Ba Tơ	2.400	
	- Hỗ trợ người tham gia điều hành	5.000	
	Hỗ trợ các hoạt động PC AIDS tại các Câu lạc bộ phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng	23.900	
	Tiền hỗ trợ các Câu lạc bộ truyền thông	20.000	
	Tiền xăng xe đi khảo sát và giám sát hoạt động	1.500	
	Tiền công tác phí	2.400	



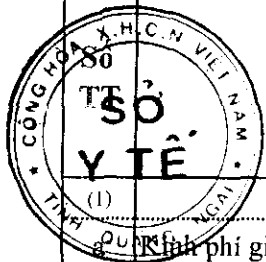
Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2)	(6)	
Khen thưởng cho các đơn vị đạt thành tích trong năm	8.217	
<i>Tiền thưởng kèm theo giấy khen</i>	5.808	
<i>Tiền thưởng kèm theo giấy khen cá nhân</i>	1.089	
<i>Tiền in giấy khen, khung</i>	1.320	
Tổ chức truyền thông nói chuyện chuyên đề tại các câu lạc bộ PC HIV/AIDS một số xã phường trên địa bàn tỉnh	26.900	
- Xăng xe ô tô	2.500	
- Công tác phí	2.400	
- Báo cáo viên	2.000	
- Nước uống cho người tham dự	10.000	
- Chi thuê, trang trí hội trường, quét dọn, phục vụ	10.000	
Phối hợp với các liên đoàn lao động huyện nói chuyện chuyên đề cho công nhân lao động	24.200	
- Xăng xe ô tô	2.000	
- Công tác phí	1.200	
- Báo cáo viên	1.000	
- Nước uống cho người tham dự	5.000	
- Chi thuê, trang trí hội trường, quét dọn, phục vụ	15.000	
Mua BCS, BKT triển khai Chương trình can thiệp giảm hại	37.500	
Sửa chữa các cụm Pano bị hư hỏng	45.928	
HOẠT ĐỘNG II : XÉT NGHIỆM VÀ GIÁM SÁT DỊCH HIV/AIDS	199.400	
Mua sinh phẩm sàng lọc HIV (test nhanh) cho BN lao, đa liễu, PN mang thai, người có hành vi nguy cơ cao	156.000	
Mua hoá chất xét nghiệm theo dõi BN AIDS	20.000	
Tổ chức giám sát hoạt động truyền thông tại xã, phường	23.400	
- Tiền xăng xe	8.000	
- Tiền công tác phí	14.400	
- Tiền in ấn, pho to biểu mẫu giám sát	1.000	
HOẠT ĐỘNG III ; HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS VÀ DỰ PHÒNG LẤY NHIỄM TỬ MỆ SANG CON	145.225	
Cung cấp test nhanh cho các đơn vị xét nghiệm sàng lọc HIV cho PNCT, phụ nữ trước đẻ	99.225	
Tổ chức tháng cao điểm lây truyền mẹ sang con	46.000	
- Sản xuất đĩa truyền thông	6.600	
- Thuê xe truyền thông lưu động	3.000	
- Quà thăm trẻ em nhiễm HIV	5.000	
- Xăng xe đi giám sát hỗ trợ tuyến xã, phường	4.000	
- Công tác phí giám sát	2.400	
- Sản xuất và treo băng rôn truyền thông	25.000	



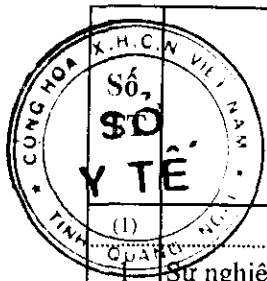
Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2) HOẠT ĐỘNG 4: TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC HỆ THỐNG PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS (Đào tạo, tập huấn, NCKH, hội nghị, hội thảo, quản lý, kiểm tra, giám sát...)	(6) 179.930	
Khảo sát và triển khai hoạt động phòng, chống HIV tại 03 xã mới năm 2016 (Ba Ngạc, Ba Tiêu, Tịnh Giang)	1.140	
- Tiền xăng xe ô tô (Thanh toán theo thực tế)	500	
- Tiền công tác phí (100.000đ/người/ngày*04người*03 ngày)	640	
Tổ chức kiểm tra và giám sát hỗ trợ các huyện và các xã trọng điểm và không trọng điểm.	20.000	
Tiền xăng xe giám sát tại 14 Huyện + 60 xã	7.000	
Tiền tàu taxi Lý Sơn	1.000	
Tiền ngủ trọ tại Lý Sơn	1.000	
Tiền công tác phí (3 ngày)	6.000	
Tiền công tác phí tại các huyện khác	5.000	
Tổng kết	5.750	
Thuê hội trường, máy chiếu, trang trí hội trường	3.500	
Tiền tài liệu	1.500	
Tiền nước uống	750	
Giao ban Quý I, III	15.000	
Thuê hội trường, máy chiếu, trang trí hội trường	7.000	
Tiền tài liệu	3.200	
Tiền nước uống	4.800	
Sơ kết 6 tháng	8.300	
Thuê hội trường, máy chiếu, trang trí hội trường	3.500	
Tiền tài liệu	2.400	
Tiền nước uống	2.400	
Tổ chức tập huấn cho báo chí	11.900	
-Tiền báo cáo viên	400	
-Tiền thuê, trang trí hội trường	7.000	
-Tiền nước uống	3.000	
-Tiền tài liệu	1.000	
-Tiền văn phòng phẩm	500	
Mời cục PC HIV Tập huấn điều trị cho bệnh nhân cho đội ngũ cán bộ tuyến huyện để triển khai khám BHYT	53.400	
-Tiền xăng xe		
-Tiền báo cáo viên (GV Cục PC HIV/AIDS)	5.000	
-Tiền hội trường	17.500	
-Tiền nước uống	12.000	
-Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên mời (GV Cục PC HIV/AIDS)	11.250	



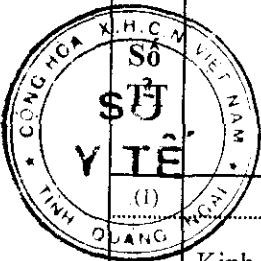
		Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
		(2)	(6)	
		-Tiền tài liệu	2.400	
		-Tiền công tác phí của giảng viên mời (GV Cục PC HIV/AIDS)	5.250	
		Kiểm tra chéo năm 2017 theo phân công của cục PC HIV/AIDS	30.000	
		-Tiền xăng xe	15.900	
		-Tiền thuê phòng ngủ	9.600	
		-Tiền công tác phí	4.500	
		Tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông cho y tế thôn tại	34.440	
		-Tiền xăng xe	2.000	
		-Tiền báo cáo viên	800	
		-Tiền hội trường	8.000	
		-Tiền nước uống	11.400	
		-Tiền ăn cho đối tượng không hưởng lương	38.000	
		-Tiền tài liệu	3.800	
		-Tiền công tác phí	960	
17		TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HUYỆN BÌNH SON	262.000	
		Kinh phí ngân sách cấp		
		* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	
1		Sự nghiệp y tế		
a		Kinh phí giao quyền tự chủ		
b		Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
		Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác	262.000	
		- Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh 25 trạm Y tế xã	262.000	
18		TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HUYỆN TƯ NGHĨA	262.000	
		Kinh phí ngân sách cấp		
		* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	
1		Sự nghiệp y tế		
a		Kinh phí giao quyền tự chủ		
b		Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
		Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác	262.000	
		- In tờ rơi tuyên truyền phòng chống dịch bệnh TCM, SXH, ZIKA ...	177.000	
		- Mua thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh	45.000	
		- Làm panô tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và các chương trình khác	40.000	
19		TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG MỘ ĐỨC	131.000	
		Kinh phí ngân sách cấp		
		* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	131.000	
1		Sự nghiệp y tế		



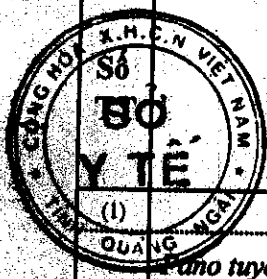
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	131.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	131.000	
	- In ấn tài liệu tuyên truyền, truyền thông... phòng chống các bệnh	100.000	
	- Mua thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống bệnh	31.000	
20	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG ĐỨC PHỐ	131.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	131.000	
I	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	131.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (***)	131.000	
	- Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình của 91 thôn trên toàn huyện 1.000.000	91.000	
	Thuê nhân công phun hóa chất PC dịch bệnh mức 100.000 đ/người/ngày x 91 thôn	10.000	
	Thực hiện các biện pháp truyền thông : 2.000.000 đồng/đợt x 15 xã	30.000	
21	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HUYỆN NGHĨA HÀNH	175.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	175.000	
I	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	175.000	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (***)	175.000	
	- Làm pano tuyên truyền phòng chống dịch Sốt xuất huyết	80.000	
	- Băng rôn tại 12 Trạm Y tế xã tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	10.800	
	- Giày ủng, pin diệt bọ gậy lăng quăng	1.620	
	- Bộ trang phục phòng chống dịch bệnh	12.000	
	- Khẩu trang	314	
	- Tờ rơi tuyên truyền phòng chống dịch Sốt xuất huyết	70.266	
22	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG THÀNH PHỐ	262.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	



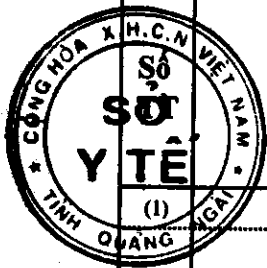
(1)	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác	262.000	
	<i>In tờ rơi tuyên truyền phòng chống dịch bệnh TCM, SXH, Cúm A</i>	98.000	
	<i>Làm panô tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và các chương trình khác</i>	54.000	
	<i>Làm apphich tuyên truyền SXH, TCM</i>	72.000	
	<i>Xe loa tuyên truyền phòng chống dịch SXH, TCM</i>	20.000	
	<i>Mua vật tư, đồ bảo hộ phòng chống dịch bệnh</i>	18.000	
23	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRÀ BỒNG	262.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	262.000	
	Pano tuyên truyền các dịch bệnh (05 tấm), Áp phích tuyên truyền các dịch bệnh: Bệnh Lao, Bệnh tay chân miệng, Nuôi con bằng sữa mẹ, Phòng chống tăng huyết áp, Phòng chống đái đường, Phòng chống Sởi -	262.000	
24	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂY TRÀ	175.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	175.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (***)	175.000	
	<i>Pa nô tuyên truyền phòng chống dịch bệnh sốt xuất Kịch thước (Dài 3 mét; rộng 5 mét)</i>	100.000	
	<i>Pa nô tuyên truyền phòng chống dịch bệnh tay chân miệng (Kịch thước: Dài 3 mét; rộng 5 mét)</i>	75.000	
25	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SON HÀ	437.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-521 (Khối bệnh viện)	175.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(1)	(6)	
	Kinh phí hỗ trợ bệnh viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân theo Kế hoạch số 948/KH-UBND ngày 25/3/2013 của UBND tỉnh (**)	175.000	
	- Khám ngoại viện	45.000	
	- Phun hóa chất xử lý môi trường	40.640	
	- Tuyên truyền phòng chống Hội chứng VDDSLBTBC	9.200	
	- Kiểm tra, giám sát	80.160	
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác	262.000	
	Pa nô tuyên truyền cho công tác phòng chống dịch bệnh	200.000	
	Dụng cụ truyền thông phòng chống dịch bệnh	50.000	
	Thuốc, hóa chất, vật tư dùng cho chuyên môn.	12.000	
26	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SON TÂY	175.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	175.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	175.000	
	- Hoá chất Permethrin 50EC	12.000	
	- Tranh áp phích tuyên truyền SKSS nam vị thành niên	30.000	
	- Tranh áp phích tuyên truyền SKSS nữ vị thành niên	30.000	
	- Tranh áp phích tuyên truyền phòng trừ ngộ độc rượu	33.000	
	- Pano tuyên truyền sức khỏe sinh sản nam, nữ vị thành niên	30.000	
	- Pano tuyên truyền sức khỏe sinh sản nam, nữ vị thành niên	40.000	
27	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MINH LONG	175.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	175.000	
	Sự nghiệp y tế		
1	Kinh phí giao quyền tự chủ		
2	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	175.000	



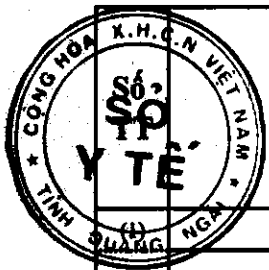
(1)	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	<i>Phano tuyên truyền</i>		
	<i>In tờ rơi tuyên truyền</i>	64.000	
	<i>In băng rôn tuyên truyền</i>	70.000	
		41.000	
28	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BA TÔ	437.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-521 (Khối bệnh viện)	175.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí hỗ trợ bệnh viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân theo Kế hoạch số 948/KH-UBND ngày 25/3/2013 của UBND tỉnh (**)	175.000	
	Phòng chống bệnh viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân (<i>Mua thuốc dùng cho khám sàng lọc, hóa chất xét nghiệm</i>)	175.000	
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	262.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	262.000	
	Pa nô, tờ rơi tuyên truyền cho công tác phòng chống dịch bệnh	240.000	
	Dụng cụ truyền thông phòng chống dịch bệnh	10.000	
	Thuốc, hóa chất, vật tư dùng cho phòng chống dịch bệnh	12.000	
29	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LÝ SƠN	175.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
	* Chương 423-520-523 (Khối dự phòng)	175.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	175.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phòng chống dịch bệnh khác (**)	175.000	
	- In ấn sản phẩm truyền thông phòng chống dịch bệnh khác	110.000	
	- Kinh phí thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống dịch bệnh khác	65.000	
30	TRUNG TÂM ĐSKHHGD HUYỆN BÌNH SƠN	368.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		



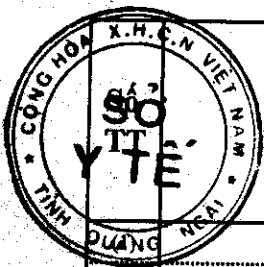
		Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)		(6)	
		+ Nâng cao năng lực truyền thông chuyển đổi hành vi cho cán bộ dân số	12.600	
		+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (28 đối tượng x 150.000đ/đối tượng)	4.200	
32	TRUNG TÂM ĐSKHHGD THÀNH PHỐ		470.000	
1	Sự nghiệp y tế			
a	Kinh phí giao quyền tự chủ			
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ		470.000	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)		87.000	
	+ Tuyên truyền		10.000	
	+ Sửa chữa làm mới pano trực quan		20.000	
	+ In ấn nhân bản sản phẩm truyền thông		57.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)		383.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 436 người = 720.000đ)		313.920	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa		17.930	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện		27.800	
	+ Nhân bản, in ấn tài liệu tuyên truyền, trang thiết bị truyền thông và các sản phẩm truyền thông khác		14.350	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố		9.000	
33	TRUNG TÂM ĐSKHHGD HUYỆN TƯ NGHĨA		211.000	
1	Sự nghiệp y tế			
a	Kinh phí giao quyền tự chủ			
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ		211.000	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)		17.000	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện:		8.500	
	+ Hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát tăng cường công tác TT tại huyện:		8.500	



		Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)		(6)	
		Kinh phí không giao quyền tự chủ	368.000	
1		Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
		+ In ấn tài liệu truyền thông	44.000	
2		Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	324.000	
		+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 352 người = 720.000đ)	253.440	
		+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	17.400	
		+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	23.600	
		+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	15.100	
		+ Nhân bản, in ấn tài liệu tuyên truyền, trang thiết bị truyền thông và các sản phẩm truyền thông khác	10.110	
		+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (29 người x 150.000đ/ người)	4.350	
31		TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN SON TỈNH	231.000	
1		Sự nghiệp y tế		
a		Kinh phí giao quyền tự chủ		
b		Kinh phí không giao quyền tự chủ	231.000	
1		Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
		+ Tuyên truyền	44.000	
2		Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	187.000	
		+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 194 người = 720.000đ)	139.680	
		+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	18.970	
		+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	4.950	
		+ Hỗ trợ công tác quản lý chương trình dân số xã	6.600	



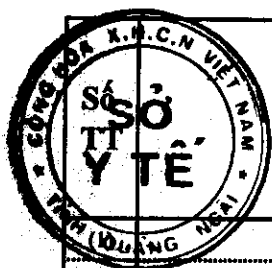
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	+ Tuyên truyền (Sửa chữa pano, in tờ rơi...)	44.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	247.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 267 người = 720.000đ)	192.240	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	12.843	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	18.714	
	+ Nhân bản, in ấn tài liệu tuyên truyền, trang thiết bị truyền thông và các sản phẩm truyền thông khác	12.339	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (32 người x 150.000đ/người)	4.800	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	6.064	
36	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN ĐỨC PHỐ	357.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	357.000	
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
	+ Tuyên truyền	44.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	313.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 271CTV = 720.000đ)	195.120	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	11.000	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân - Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	20.750	



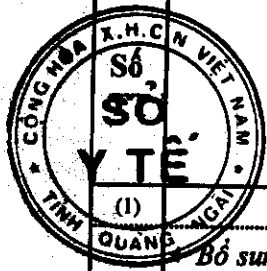
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	194.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 252 người = 720.000đ)	181.440	
	+ Hỗ trợ ban quản lý tại xã hoạt động truyền thông	4.500	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	8.060	
34	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN NGHĨA HÀNH	247.000	
	Sự nghiệp y tế		
1	Kinh phí giao quyền tự chủ		
2	Kinh phí không giao quyền tự chủ	247.000	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
	+ Tuyên truyền (Sửa chữa pano, in tờ rơi...)	44.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	203.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên. (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 193 người = 720.000đ)	138.960	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	29.200	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	10.400	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (30 người x 150.000đ/người)	4.500	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	19.940	
35	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN MỘ ĐỨC	291.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	291.000	
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	



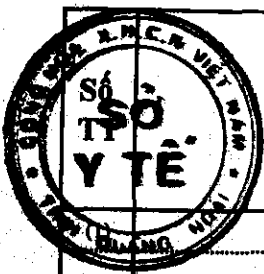
	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	27.000	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (30 người x 150.000đ/người)	4.500	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	54.630	
37	TRUNG TÂM DS-KHHGD HUYỆN MINH LONG	152.362	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		Tiền lương 667
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	152.362	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	65.000	
	+ Mua sắm tài sản (máy vi tính)	26.000	
	+ Kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông	39.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	87.100	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 62 người) = 720.000đ)	44.640	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	8.200	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân - Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	6.250	
	+ Nâng cao năng lực truyền thông chuyển đổi hành vi cho cán bộ dân số	6.000	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	8.000	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (13 người x 150.000đ/người)	1.950	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	12.060	
	Kinh phí sửa chữa trụ sở do UBND huyện mới giao (**)	262	
38	TRUNG TÂM DS-KHHGD HUYỆN BA TỖ	227.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		



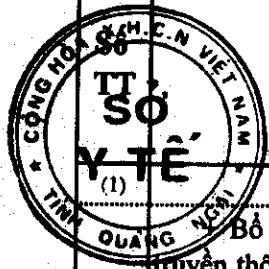
Nội dung		Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(2)		(6)	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	227.000	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	26.000	
	+ In Tờ rơi tuyên truyền, kiểm tra, giám sát	26.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	201.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 194 CTV = 720.000đ)	139.680	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	23.190	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	8.540	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	18.896	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (26 người x 150.000đ/ người)	3.900	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	6.794	
39	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN SON HÀ	246.070	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	246.070	
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
	+ Tuyên truyền	44.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	202.070	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 211 CTV = 720.000đ)	151.920	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	16.630	



(1)	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân - Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	5.690	
	+ Hỗ trợ quản lý ban dân số xã	8.350	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	17.080	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (16 người x 150.000đ/người)	2.400	
40	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN TRÀ BÔNG	192.010	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	192.010	
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	61.000	
	+ Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền	61.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	131.010	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 108 CTV = 720.000đ)	77.760	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	10.500	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân - Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	4.500	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	16.000	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (15 người x 150.000đ/người)	2.250	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố (mua 02 máy điều hòa)	20.000	
41	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN TÂY TRÀ	135.050	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	135.050	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
1	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	35.000	
	+ Tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD	35.000	
2	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	100.050	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 76 CTV = 720.000đ)	54.720	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	5.300	
	truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân - Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	7.750	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	12.930	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (29 người x 150.000đ/ người)	4.350	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố (mua tủ đựng tài liệu, bàn làm việc)	15.000	
42	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN SON TÂY	134.017	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	134.017	
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác truyền thông lồng ghép chiến dịch dân số KHHGD (**)	44.000	
	+ Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền	44.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	90.017	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 73 CTV = 720.000đ)	52.560	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	6.100	



	Nội dung (2)	Dự toán được sử dụng (6)	Ghi chú
	Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	4.037	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền thông nhân các sự kiện	22.520	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (32 người x 150.000đ/người)	4.800	
43	TRUNG TÂM DSKHHGD HUYỆN LÝ SƠN	122.000	
1	Sự nghiệp y tế		
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	122.000	
	Kinh phí hoạt động thực hiện Nghị quyết 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (**)	122.000	
	+ Hỗ trợ phụ cấp cho mạng lưới Công tác viên (60.000đ/người/tháng x 12 tháng x 61CTV = 720.000đ)	43.920	
	+ Mở rộng triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ đến vùng sâu vùng xa	11.950	
	+ Bổ sung thực hiện chương trình MTQG (Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện chương trình; Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh; - Đề án tiền hôn nhân -Kiểm soát dân số các vùng biển đảo)	10.054	
	+ Nâng cao năng lực truyền thông chuyển đổi hành vi cho cán bộ dân số	11.585	
	+ Hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố mở rộng các hoạt động truyền thông thường xuyên, Chiến dịch truyền thông cao điểm, truyền	20.000	
	+ Nhân bản, in ấn tài liệu tuyên truyền, trang thiết bị truyền thông và các sản phẩm truyền thông khác	12.091	
	+ Bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đối tượng đình sản (16 người x 150.000đ/người)	2.400	
	+ Xây dựng, sửa chữa, trang thiết bị làm việc cho TT DS - KHHGD huyện, thành phố	10.000	

Phụ lục

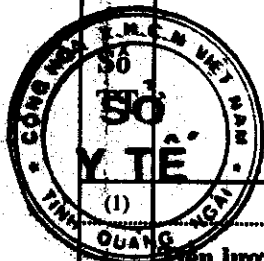
PHỤ LỤC THIẾT MINH NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017 (*)

(Kèm theo Công văn số /SYT -KHTC ngày / /2017 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

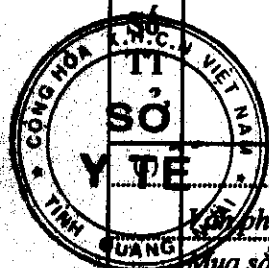
ĐVT: Nghìn đồng



SỐ TT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
A	Tổng cộng	44.418.000	
1	VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ	12.782.000	
	Kinh phí ngân sách cấp	12.782.000	
2	Sự nghiệp y tế	12.782.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	0	
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	12.782.000	
	Kinh phí sửa chữa trụ sở 447 Quang Trung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 110/UBND-KGVX ngày 09/01/2017 (*)	2.183.000	Đã có chủ trương của UBND tỉnh xin điều chỉnh
	Kinh phí thực hiện Đề án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại các huyện miền núi giai đoạn 2017-2020 (*)	4.365.000	
	Kinh phí thực hiện Đề án thành lập Trung tâm giám định pháp y (*)	1.746.000	
	Kinh phí sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ lưu trữ (*)	437.000	
	- Sắp xếp chỉnh lý hồ sơ lưu trữ các năm do cục lưu trữ làm: 92 mét	437.000	
	Kinh phí phòng chống thiên tai bão lụt (*)	166.000	
	Mua thuốc phòng chống bão lụt	96.160	
	Chi phí xăng công tác phí chống bão lụt, thiên tai	69.840	
	Kinh phí dự phòng phòng chống dịch bệnh và một số hoạt động phát sinh trong năm do UBND tỉnh giao (*)	3.885.000	
2	BỆNH VIỆN SẢN NHI QUẢNG NGÃI	30.374.000	
V.1	TỔNG SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ	30.374.000	
1	Kinh phí thường xuyên	30.374.000	
a	Kinh phí không thường xuyên		
b	TỔNG SỐ CHI CỦA ĐƠN VỊ	30.374.000	
1	Kinh phí thường xuyên	30.374.000	
a	Kinh phí chi cho con người	8.996.790	
1	- Biên chế giao:		
	+ Biên chế có mặt	198	
	+ Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP		
	- Hợp đồng ngắn hạn	158	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(6)	
	Tiền lương	3.337.367	
	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt (Phát sinh từ T1 - T9 và 3 tháng cuối năm HSL: $593,76 \times 1300 \times 3th$)	3.319.664	
	Lương hợp đồng dài hạn	12.583,58	
	Lương khác	4.440,701	
	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	678,448	
	Phụ cấp lương	3.533.757	
	Phụ cấp chức vụ (HSCV: $14,7 \times 1300 \times 3th$)	67.482	
	Phụ cấp làm thêm giờ (BPHC: $60tr/th \times 3th$)	180.000	
	Phụ cấp độc hại nguy hiểm trả theo lương ($19,9 \times 1300 \times 3th$)	78.968	
	Phụ cấp đặc thù ngành (ĐHHV: $150tr/th \times 3th$; PTTT 594.481 (hỗ trợ 1 phần PT	1.044.481	
	Trách nhiệm theo lương (HSTN: $23,4 \times 1300 \times 3th$)	93.102	
	Phụ cấp trực ($100tr \times 3th$)	300.000	
	Phụ cấp ưu đãi ngành Y tế (HSƯĐ: $305,21 \times 1300 \times 3th$)	1.316.308	
	Phụ cấp vượt khung (PCVK: $1,899 \times 1300 \times 3th$)	7.406	
	Phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội (6 người $\times 0,3 \times 3th$)	9.198	
	Chính sách đãi ngộ bác sĩ theo quyết định 06/2005/QĐ-UBND (6 người $\times 0,3 \times 3th$)	436.812	
	Các khoản đóng góp	559.206	
2	BHXH ($593,76 + 14,7 + 1,899$) $\times 1300 \times 17,5\% \times 3th$)	416.570	
	BHYT ($593,76 + 14,7 + 1,899$) $\times 1300 \times 17,5\% \times 3th$)	71.412	
	KP CĐ ($593,76 + 14,7 + 1,899$) $\times 1300 \times 2\% \times 3th$)	47.608	
	BHTN ($593,76 + 14,7 + 1,899$) $\times 1300 \times 1\% \times 3th$)	23.804	
	Tiền công hợp đồng ngắn hạn	1.288.794	
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN	277.666	
	Kinh phí chi hoạt động quản lý	6.958.443	
	Phúc lợi tập thể	68.570	
	Tiền đi phép hàng năm	10.000	
	Tiền nước uống (Phát sinh từ T1-T9 + 5tr/th $\times 3th$ cuối năm)	58.570	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	2.685.210	
	Thanh toán tiền điện (Phát sinh từ T1-T9 + 450tr/th $\times 3th$ cuối năm)	1.822.500	
	Thanh toán tiền nước (Phát sinh từ T1-T9 + 30tr/th $\times 3th$ cuối năm)	133.570	
	Nhiên liệu (Phát sinh từ T1-T9 + 10tr/th $\times 3th$ cuối năm)	39.140	
	Thanh toán vệ sinh môi trường (Thu gom rác thải: 160tr/th $\times 3th$; chất thải rắn: 50tr/th $\times 3th$; Rác đô thị: 20tr/th $\times 3th$)	690.000	
	Vật tư văn phòng	1.705.311	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	<i>Yến phòng phẩm (Phát sinh từ T1-T9 +150tr/th*3th cuối năm)</i>	462.339	
	<i>Mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng (Phát sinh từ T1-T9 +1.047tr dự trừ mua CCDC (Có phụ lục mua sắm kèm theo))</i>	1.142.972	
	<i>Vật tư văn phòng khác (Phát sinh từ T1-T9 +1.047tr dự trừ mua 3th cuối năm)</i>	100.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	65.632	
	<i>Cước phí điện thoại trong nước (Phát sinh từ T1-T9 +7tr/th*3th cuối năm)</i>	29.622	
	<i>Cước bưu chính (Phát sinh từ T1-T9 +1tr/th*3th cuối năm)</i>	4.410	
	<i>Thuê bao kênh vệ tinh</i>	5.000	
	<i>Tuyên truyền</i>	5.000	
	<i>Cước phí Internet, thư viện điện tử (Phát sinh từ T1-T9 +6tr/th*3th cuối năm)</i>	21.600	
	Hội nghị	12.000	
	<i>In, mua tài liệu</i>	2.000	
	<i>Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên</i>	10.000	
	Công tác phí	263.350	
	<i>Tiền vé máy bay, tàu xe (Phát sinh từ T1-T9 +15tr/th*3th cuối năm)</i>	105.000	
	<i>Phụ cấp công tác phí (Phát sinh từ T1-T9 +10tr/th*3th cuối năm)</i>	48.350	
	<i>Thuê phòng ngủ (Phát sinh từ T1-T9 +20tr/th*3th cuối năm)</i>	100.000	
	<i>Khoản công tác phí (Văn thư, thủ quỹ, kế toán, nhân viên mua hàng)</i>	10.000	
	Chi phí thuê mượn	572.000	
	<i>Thuê lao động trong nước (Phát sinh từ T1-T9 +20tr/quý IV)</i>	77.000	
	<i>Thuê đào tạo lại cán bộ (Học phí + tàu xe)</i>	435.000	
	<i>Chi phí thuê mượn khác (Phát sinh từ T1-T9 +20tr/quý IV)</i>	60.000	
	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	1.199.900	
	<i>Thiết bị tin học (Đi đường dây điện, dây cáp trong bệnh viện)</i>	599.900	
	- <i>Mua ổ cứng nâng cấp mạng</i>	99.900	
	- <i>Đi đường dây điện, cáp mạng, ...cho toàn viện</i>	500.000	
	<i>Nhà cửa (sửa chữa nhỏ, ngăn phòng triển khai một số thiết bị mới ...)</i>	200.000	
	<i>Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác (Xây dựng nhà thuốc bệnh viện)</i>	400.000	
3	Chi khác	386.470	
	<i>Chi các khoản phí và lệ phí</i>	26.470	
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>	65.000	
	<i>Chi hỗ trợ khác (Phát sinh từ T1-T9 +70tr/th*3th cuối năm (Tiền ở trọ đi học))</i>	265.000	
	<i>Chi khác</i>	30.000	
	Kinh phí chi hoạt động chuyên môn	14.418.767	



	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Ghi chú
	(2)	(6)	
	Mua sắm máy móc, thiết bị dùng cho chuyên môn	14.418.767	
	- Thiết bị y tế cho liên khoa Mắt-TMH-RHM	3.177.030	
	- Máy định danh nhóm máu và xác định kháng thể bất thường tự động	1.980.000	
	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	4.069.862	
	- Thiết bị tin học	2.339.270	
	- Máy thu phát vô tuyến điện	34.480	
	Phần mềm bản quyền Windows sever	35.030	
	- Máy tính(7 cái) + máy in (01 cái)	99.800	
	- Kệ để hàng hóa, chứng từ	292.000	
	- Thiết bị Wife	98.000	
	- Hộp Inox đựng box rửa tay vô trùng	50.000	
	- Giá đỡ bình sát khuẩn nhanh	98.505	
	- Đóng các bảng hướng dẫn, nội quy	99.000	
	Mua hàng hóa vật tư dùng cho chuyên môn từng ngành	400.000	
	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	705.790	
	- Thiết bị vật tư y tế	610.610	
	- Dùi cui điện	10.700	
	- Máy thu phát vô tuyến điện	34.480	
	- Trang thiết bị chuyên dùng khác	50.000	
	Chi mua in ấn photo tài liệu dùng cho chuyên môn	10.000	
	Đồng phục, trang phục	200.000	
	Bảo hộ lao động	700.000	
	Chi phí khác	30.000	
6	BỆNH VIỆN TÂM THẦN QUẢNG NGÃI	1.262.000	
	Kinh phí ngân sách cấp		
*	Sự nghiệp y tế	1.262.000	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ		
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	1.262.000	
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư theo Thông tư số 36/2016/TT-BYT (*)	1.262.000	
	- Kinh phí mua thuốc	1.093.327	
	- Kinh phí vật tư y tế tiêu hao	37.673	
	- Tiền ăn bệnh nhân (Thực hiện theo Thông tư 36/2016/TT-BYT)	131.000	
	Phụ cấp tiền ăn : 15.000đ/ ngày 360 ngày x 21 bệnh	131.000	